

Bản án số: 536/2026/DS-ST

Ngày 07- 9- 2026

“V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Kim Hoa;
2. Trương Thị Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 901/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 538/2026/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 440/2026/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Kim N1, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn bà N trình bày:

Trong thời gian buôn bán chung với nhau, bà N1 có tham gia hội tuần do bà N làm thảo hội, cụ thể như sau:

- Hụi tuần 200.000 đồng ngày khui hụi 04/02/2026 AL, một tuần khui một lần; hụi gồm 145 phần, ngày mần sau 24 tuần, bà N1 tham gia 20 phần, bà N1 hốt hụi đầu tiên 10 phần số tiền 35.800.000 đồng, còn sống 10 phần. Sau khi bà N1 đóng lại 1 lần hụi chết (của 10 phần đã hốt) số tiền 2.000.000 đồng, 2 phần hụi sống 3.200.000 đồng. Sau đó, bà N1 ngưng không đóng nữa, cũng không ra chợ bán, bà không liên lạc được với bà N1. Khi nhận tiền đăng hụi, bà N1 có viết giấy nhận tiền hụi và ký tên. Bà N1 còn nợ hụi lại là 23 tuần số tiền 46.000.000 đồng, trừ đã sống 2 phần hụi sống 3.200.000 đồng còn lại 42.800.000 đồng, bà làm tròn chỉ tính 42.000.000 đồng.

Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà N1 trả nợ nhưng bà N1 cố tình né tránh. Nay bà N yêu cầu bà N1 trả cho bà số tiền nợ hụi là 42.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà N không yêu cầu gì khác.

Bà Lê Kim N1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, 17, 21, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với bà Lê Kim N1 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Bà Lê Kim N1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N số tiền hụi 42.000.000 đồng.

Đương sự có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Lê Kim N1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N thấy rằng:

Kèm theo đơn khởi kiện, bà N có cung cấp danh sách hội viên, bảng kê tiền hội, giấy đăng hội có chữ ký của bà N1.

Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh đã nhiều lần triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng kèm theo yêu cầu, tài liệu chứng cứ cho bà **N1** theo quy định nhưng bà N1 không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến phản đối.

Do đó, có cơ sở xác định lời trình bày của bà N về việc bà N1 là hội viên, đã nhận tiền đăng các phần hội và vi phạm nghĩa vụ đóng hội với tổng số tiền 42.000.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận bà N không yêu cầu bà N1 phải chịu lãi suất.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải trả là $5\% \times 42.000.000 \text{ đồng} = 2.100.000 \text{ đồng}$.

Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà N tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 16, 17, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phurong; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” của bà Trần Thị N đối với bà Lê Kim N1.

Buộc bà Lê Kim N1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N số tiền hụi 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N1 không thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà N1 còn phải trả cho bà N số tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **2.100.000 (Hai triệu một trăm nghìn)** đồng.

Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà N 1.050.000 (Một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009448 ngày 05/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND khu vực 10;
- THADS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng

